

CẤU TRÚC + MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

A. CẤU TRÚC:

Đề kiểm tra bao gồm các nội dung sau:

Bài 26: Địa lí nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. (0,5đ TN + 0,5đ TLN)

Bài 29: Cơ cấu, vai trò, đặc điểm ngành công nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.(0,5đ TN + 1,0đ ĐS)

Bài 30: Địa lí các ngành công nghiệp.(0,5đ TN + 1,0đ TLN + 1,5đ TL)

Bài 33: Cơ cấu, vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển, phân bố dịch vụ.(0,5đ TN + 1,0đ ĐS)

Bài 34: Địa lí ngành giao thông vận tải. (1,0đ TN + 0,5đ TLN + 1,5đ TL)

B. MA TRẬN:

1. Mục tiêu:

- Kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh. Phân loại trình độ học sinh. Giúp học sinh nắm được khả năng học tập của mình để có biện pháp học tập thích hợp hơn. Nắm được khả năng tư duy, tổng hợp, vận dụng kiến thức của học sinh để từ đó đề ra biện pháp dạy học cho phù hợp.

- Thực hiện yêu cầu cần đạt trong kế hoạch dạy học.

2. Hình thức đề kiểm tra: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30% + Câu hỏi Đúng – Sai 20% + Trả lời ngắn 20% + Tự luận 30%

3. Ma trận đề kiểm tra: Nội dung thuộc chương trình chuẩn, tập trung vào các chủ đề kiểm tra như sau:

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II - KHỐI 10

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Địa lí các ngành kinh tế	Địa lí nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	1	1					1						1 TN 1 TLN	1TN		10
2		Cơ cấu, vai trò, đặc điểm ngành công nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.	2			2 ý	1 ý	1 ý							2 TN 2 ý ĐS	1 ý ĐS	1 ý ĐS	15
3		Địa lí các ngành công nghiệp.	1		1					1	1			1TL (1,5đ)	1 TN	1 TLN 1 TL (1,5 đ)	1TN 1 TLN	30
4		Cơ cấu, vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển, phân bố dịch vụ.	1	1		2 ý	1 ý	1 ý							1 TN 2 ý ĐS	1 TN 1 ý ĐS	1 ý ĐS	15
5		Địa lí ngành giao thông vận tải.	3		1					1					1TL (1,5đ)	3 TN 1 TLN		1 TN 1 TL (1,5 đ)
Tổng số câu			8	2	2	4 ý	2 ý	2 ý	2	1	1	0	1	1	8 TN 4 ý ĐS 2 TLN	2 TN 2 ý ĐS 1 TLN 1 TL (1,5đ)	2 TN 2 ý ĐS 1 TLN 1 TL (1,5đ)	
Tổng số điểm			3.0			2.0			2.0			3.0			4.0	3.0	3.0	10.0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

CẤU TRÚC + MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

A. CẤU TRÚC:

Đề kiểm tra bao gồm các nội dung sau:

Bài 22: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản (1,0đ TN + 1,0đ TLN)

Bài 25: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc (1,0đ TN + 1,0đ ĐS + 1,0đ TLN + 1,5đ TL)

Bài 26: Kinh tế Trung Quốc (1,0đ TN + 1,0đ ĐS + 1,5đ TL)

B. MA TRẬN:

1. Mục tiêu:

- Kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh. Phân loại trình độ học sinh. Giúp học sinh nắm được khả năng học tập của mình để có biện pháp học tập thích hợp hơn. Nắm được khả năng tư duy, tổng hợp, vận dụng kiến thức của học sinh để từ đó đề ra biện pháp dạy học cho phù hợp.

- Thực hiện yêu cầu trong phân phối chương trình.

2. Hình thức đề kiểm tra: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30% + Câu hỏi Đúng – Sai 20% + Trả lời ngắn 20% + Tự luận 30%

3. Ma trận đề kiểm tra: Nội dung thuộc chương trình chuẩn, tập trung vào các chủ đề kiểm tra như sau:

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II - KHỐI 11

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Nhật Bản	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản	2		2				1		1				2 TN 1 TLN		2 TN 1 TLN	20
2	Trung Quốc	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc	2	2		2 ý	1 ý	1 ý	1	1			1 (1,5đ)		2 TN 2 ý ĐS 1 TLN	2 TN 1 ý ĐS 1 TLN 1 TL (1,5đ)	1 ý ĐS	45
		Kinh tế Trung Quốc	4			2 ý	1 ý	1 ý					1 (1,5đ)	4 TN 2 ý ĐS	1 ý ĐS	1 ý ĐS 1 TL (1,5đ)	35	
Tổng số câu			8	2	2	4 ý	2 ý	2 ý	2	1	1	0	1	1	8 TN 4 ý ĐS 2 TLN	2 ý ĐS 2 TN 1 TLN 1 TL (1,5đ)	2 TN 2 ý ĐS 1 TLN 1 TL (1,5đ)	
Tổng số điểm			3.0			2.0			2.0			3.0			4.0	3.0	3.0	10.0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

CẤU TRÚC + MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

A. CẤU TRÚC:

Đề kiểm tra bao gồm các nội dung sau:

Bài 25: Phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ. (0,5đ TN + 1,0đ ĐS + 0,5đ TLN)

Bài 26+28: Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ. (0,5đ TN + 0,5đ TLN + 1,5đ TL)

Bài 29: Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ. (1,5đ TN + 1,0đ ĐS + 0,5đ TLN)

Bài 30: Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long. (0,5đ TN + 0,5đ TLN + 1,5đ TL)

B. MA TRẬN:

1. Mục tiêu:

- Kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh. Phân loại trình độ học sinh. Giúp học sinh nắm được khả năng học tập của mình để có biện pháp học tập thích hợp hơn. Nắm được khả năng tư duy, tổng hợp, vận dụng kiến thức của học sinh để từ đó đề ra biện pháp dạy học cho phù hợp.

- Thực hiện yêu cầu cần đạt trong kế hoạch dạy học.

2. Hình thức đề kiểm tra: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30% + Câu hỏi Đúng – Sai 20% + Trả lời ngắn 20% + Tự luận 30%

3. Ma trận đề kiểm tra: Nội dung thuộc chương trình chuẩn, tập trung vào các chủ đề kiểm tra như sau:

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II - KHỐI 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Địa lí các vùng kinh tế	Phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ.	2			2 ý	1 ý	1 ý	1						2 TN 2 ý ĐS 1 TLN	1 ý ĐS	1 ý ĐS	20
2		Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ.	1		1					1			1 TL (1,5đ)	1 TN	1 TLN	1 TN 1 TL (1,5đ)	25	
3		Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ.	4	2		2 ý	1 ý	1 ý			1				4 TN 2 ý ĐS	2 TN 1 ý ĐS	1 TLN 1 ý ĐS	30
4		Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long.	1		1				1				1 TL (1,5đ)	1 TN 1 TLN	1 TL (1,5đ)	1 TN	25	
Tổng số câu			8	2	2	4 ý	2 ý	2 ý	2	1	1	0	1	1	8 TN 4 ý ĐS 2 TLN	2 TN 2 ý ĐS 1 TLN 1 TL (1,5Đ)	2 TN 2 ý ĐS 1 TLN 1 TL (1,5Đ)	
Tổng số điểm			3.0			2.0			2.0			3.0			4.0	3.0	3.0	10.0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

Cần Đức, ngày 15 tháng 4 năm 2026
Tổ trưởng chuyên môn

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized initials 'HTT' followed by a long horizontal stroke.

Huỳnh Thị Thu Tâm